Chi tiết mã HS 5403.32.10

Mã HS	5403.32.10
Mô tả hàng hóa	Sợi filament tái tạo (trừ chỉ khâu), chưa đóng gói để bán lẻ, kể cả sợi monofilament tái tạo có độ mảnh dưới 67 decitex / - Sợi khác, đơn: / - - Từ viscose rayon, xoắn trên 120 vòng xoắn trên mét: / - - - Sợi dún
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 17:10:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/54033210/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8356
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8356
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8356
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7967
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7921
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7921
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7921
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7921
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7921
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7921
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7971
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7971

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7971
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7971
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7971
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7971
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7972
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7972
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7972
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7972
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7972
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7972
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7973
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7927
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7934
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7934
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7934
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7934
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7934
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7934
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7956
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7956
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7956
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7956
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7956
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7956
VCFTA	2022	2022	0	VC!D8003
VCFTA	2023	2023	0	VC!E8003

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F8003
VCFTA	2025	2025	0	VC!G8003
VCFTA	2026	2026	0	VC!H8003
VCFTA	2027	2027	0	VC!I8003
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7983
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7983
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7983
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7983
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7983
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7983
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7996
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7996
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7996
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7996
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7996
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7996
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D8000
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E8000
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F8000
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G8000
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H8000
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I8000
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D8000
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E8000
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F8000
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G8000

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H8000
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I8000
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7951
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7951
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7951
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7951
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7951
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7951
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7951
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7988
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7988
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7988
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7988
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7988
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7988
RCEP B	2022	2022	0	B!D7988
RCEP B	2023	2023	0	B!E7988
RCEP B	2024	2024	0	B!F7988
RCEP B	2025	2025	0	B!G7988
RCEP B	2026	2026	0	B!H7988
RCEP B	2027	2027	0	B!I7988
RCEP C	2022	2022	0	C!D7988
RCEP C	2023	2023	0	C!E7988
RCEP C	2024	2024	0	C!F7988
RCEP C	2025	2025	0	C!G7988
RCEP C	2026	2026	0	C!H7988

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7988
RCEP D	2022	2022	0	D!D7988
RCEP D	2023	2023	0	D!E7988
RCEP D	2024	2024	0	D!F7988
RCEP D	2025	2025	0	D!G7988
RCEP D	2026	2026	0	D!H7988
RCEP D	2027	2027	0	D!I7988
RCEP E	2022	2022	0	E!D7991
RCEP E	2023	2023	0	E!E7991
RCEP E	2024	2024	0	E!F7991
RCEP E	2025	2025	0	E!G7991
RCEP E	2026	2026	0	E!H7991
RCEP E	2027	2027	0	E!I7991
RCEP F	2022	2022	0	F!D7988
RCEP F	2023	2023	0	F!E7988
RCEP F	2024	2024	0	F!F7988
RCEP F	2025	2025	0	F!G7988
RCEP F	2026	2026	0	F!H7988
RCEP F	2027	2027	0	F!I7988
VIFTA	2024	2024	0	VI!F7375
VIFTA	2025	2025	0	VI!G7375
VIFTA	2026	2026	0	VI!H7375
VIFTA	2027	2027	0	VI!I7375

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 5403.32 có 2 dòng thuế; dòng 5403.32.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Sợi dún.	5403.32.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5403.32.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 5403.32.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8356), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.